TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HC-PT
Ngày: 15-4-2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi

bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 375/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Huỳnh Xuân H, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Hoàng Phi H1, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Hợp đồng uỷ quyền ngày 21/4/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: bà Võ Thị Tuệ M - Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: khối C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Chí D - Phó Chủ tịch UBND huyện N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Như N - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N.

+ Ông Trương Công T - Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị T1, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Đông Xuân, xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

2. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam

3. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam

4. Ông Huỳnh Quang V, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Lương Thị T1, Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị L, Huỳnh Quang V*:* ông Lê Trung T2, sinh năm 1970; địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp: ông Lương Quang T3 - Chức vụ: Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã T.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Huỳnh Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người khởi kiện, người đại hợp pháp của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, thống nhất trình bày:

Trước năm 1993, ông Huỳnh Xuân H được mẹ là bà Lê Thị K1 tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 430, tờ bản đồ số 1, diện tích 700m^2 , do bà K1 đứng tên kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Đồng thời, ông H khai hoang diện tích đất 419m^2 nằm liền kề thửa đất bà K1 đã tặng cho. Khi thực hiện kê khai, đăng ký đất đai theo Nghị định 64/CP, ông H kê khai thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, diện tích: 1.119m^2 (Sau đây gọi tắt là: thửa đất 320) đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0181/QSDĐ/Q1 ngày 04/01/1996 cho hộ ông H đối với thửa đất số 320, diện tích: 1.119m^2, mục đích sử dụng: đất thổ cư.

Năm 2020, hộ ông H có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 320, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hư hỏng. Sau khi đo đạc thửa đất được thể hiện là thửa đất số 600, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.094m^2. Do hộ bà Phan Thị B và hộ bà Phạm Thị H2 không đồng ý ký xác nhận ranh giới thửa đất. Ngày 07/06/2021 hộ gia đình ông H đề nghị UBND xã T tiến hành xác nhận người sử dụng đất liền kề không ký xác nhận trong bản mô tả ranh giới, mốc giới, hiện trạng thửa đất; lập hồ sơ thủ tục gửi Chi nhánh Văn phòng Đ ký phiếu xác nhận đo đạc hiện trạng thửa đất để gia đình ông tiếp tục thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ngày 28/6/2021 UBND xã T trả lời đơn đề nghị của bà Lương Thị T1 (vợ ông H) với nội dung UBND xã T chưa thể giải quyết xác nhận người sử dụng đất liền kề không ký xác nhận trong bản mô tả ranh giới, mốc giới, hiện trạng thửa đất. UBND xã T cho rằng phần diện tích hộ gia đình ông đã xây dựng tường rào xung quanh có diện tích là 750m^2 có nguồn gốc do mẹ ông là bà Lê Thị K1 tự khai phá sử dụng từ trước năm 1980, có kê khai đăng ký tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 1, diện tích 700m^2, loại đất thổ cư; sau đó để lại cho ông sử dụng đến nay. Đối với phần diện tích nằm ngoài tường rào có diện tích là 400m^2 có nguồn gốc là do HTX nông nghiệp giao cho hộ bà Huỳnh Thị V1, hộ bà Trần Thị B1, hộ bà Châu Thị H3 sử dụng, canh tác từ năm 1987 đến 2016 thì giao cho thôn Đ làm sân bóng, hộ gia đình ông không sử dụng.

Ngày 25/10/2021 Thanh tra huyện N ban hành công văn số 57/KL-TTr về việc kết luận thẩm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông H với nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông H không đúng quy định của pháp luật (Không đúng đối tượng sử dụng, diện tích sử dụng đất). Ngày 18/11/2021 UBND huyện N ban hành quyết định số 20355/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với thửa đất 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.119m^2. Việc UBND huyện N thu hồi giấy chứng nhận đã cấp đối với hộ ông H là không đúng quy định của pháp luật, vì:

- Bà K1 đã cho vợ chồng ông H thửa đất số 430, tờ bản đồ số 1, diện tích 700 m^2 . Vợ chồng ông H đã xây dựng nhà ở, khi vợ chồng ông H xây dựng nhà thì bà K1 và những thành viên trong gia đình không có ý kiến phản đối, tranh chấp. Vợ chồng ông H đã sử dụng đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành kê khai đất theo hồ sơ 64/CP trong đó có cả 419m^2 gia đình ông H tự khai hoang. Đồng thời, UBND huyện N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, theo án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016, thì phải xác định vợ chồng ông H đã được bà K1 tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 430, tờ bản đồ 1.

- Theo văn bản kết luận thẩm tra giấy chứng nhận số 57 cho rằng UBND xã T đã xác minh hộ bà K1, ông H không trực tiếp quản lý, sử dụng đối với diện tích 419m^2 chênh lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với đăng ký 299/TTg tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01. Phần đất 419m^2 hộ bà Huỳnh Thị V1, hộ bà Trần Thị B1 và hộ bà Châu Thị H3, cùng trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam được hợp tác xã giao đất canh tác sử dụng ổn định từ năm 1987 đến năm 2016. Đến 2016 khi Ban N1 vận động các hộ dân hiến đất để xây

dựng sân vận động thì các hộ dân thống nhất ký kết văn bản hiến đất cho thôn Đ xây dựng sân bóng là hoàn toàn không đúng sự thật và trái với quy định pháp luật. Thực tế, diện tích đất 419m^2 tăng lên do hộ ông H khai hoang sử dụng ổn định từ trước đến nay và không có ai tranh chấp. Đồng thời, kể từ 1993 đến nay hộ bà Huỳnh Thị V1, hộ bà Trần Thị B1, hộ bà Châu Thị H3 không hề canh tác sử dụng diện tích đất này.

Như vậy, UBND huyện N thu hồi đối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 0181/QSDĐ/Q1 ngày 04/01/1996 đã cấp cho hộ gia đình ông tại thửa đất 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.119m^2, loại đất thổ cư do không đúng đối tượng và sai diện tích là không đúng và không có cơ sở. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Hủy Quyết định số 20355/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai; Hủy Công văn số 57/KL-TTr ngày 25/10/2021 của Thanh tra huyện N về việc thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 02/11/2022, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại hợp pháp của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người đại diện hợp pháp của UBND xã T*, thống nhất trình bày:*

Theo hồ sơ 299/TTg xã T thể hiện, bà Lê Thị K1 (mẹ ông Huỳnh Xuân H) đứng tên chủ sử dụng đất tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 01, diện tích 700m^2, loại đất thổ cư (T). Liền kề về phía Tây (theo bản đồ 299/TTg) là thửa đất số 446, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.407m^2, loại đất màu do Hợp tác xã N2 đứng tên chủ sử dụng đất. Theo hồ sơ 64/CP xã T thể hiện thửa đất số 430, tờ bản đồ số 01 nói trên được đo đạc lại thành thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.119m^2 loại đất thổ cư do ông Huỳnh Xuân H đứng tên chủ sử dụng và được UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất số vào số 0181/QSDĐ/Q1 ngày 04/01/1996. Diện tích chênh lệch so với diện tích bà Lê Thị K1 đăng ký 299/TTg là 419m^2; phần diện tích này được xác định nằm trong diện tích của thửa đất số 446, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.407m^2, loại đất màu (hồ sơ 299/TTg). Theo hồ sơ cơ sở dữ liệu đất đai làm cơ sở để cấp đổi, cấp mới Giấy CNQSD đất tại xã T thể hiện thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01 được đo đạc lại thành thửa đất số 600, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.094m^2 do ông Huỳnh Xuân H đứng tên chủ sử dụng đất.

Qua làm việc, ông Huỳnh Xuân H trình bày: Từ năm 1977 đến năm 1992, ông Huỳnh Xuân H làm công nhân ở xa. Năm 1993, ông về lại địa phương sinh sống, làm nhà ở tại thửa đất số 977, tờ bản đồ số 01 (có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị C, thôn Đ, xã T theo Giấy chuyển nhượng đất làm nhà viết tay ngày 02/9/1995 và đến ngày 16/2/2005, hai bên lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 10/HĐCN). Năm 2002, ông H chuyển về sống cùng bà K1 tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01. Năm 2003, ông xây dựng nhà ở và tường rào tại thửa đất này.

Theo Biên bản kiểm tra của UBND xã T lập ngày 24/6/2021 thể hiện phần diện tích có tường rào do ông Huỳnh Xuân H xây dựng có kích thước các cạnh: cạnh phía Nam giáp đường bê tông là 31,3m; cạnh phía Đông là 25,7m; cạnh phía Tây là 23,7m; cạnh phía Bắc là 26,85m; diện tích đất có tường rào xung quanh là khoảng 718m^2. Vị trí, diện tích này phù hợp với vị trí, diện tích thửa đất bà Lê Thị K1 đăng ký sử dụng theo hồ sơ 299/TTg (thửa đất số 430, tờ bản đồ số 01, diện tích 700m^2).

Theo xác nhận của UBND xã T và kết quả xác minh thì hộ bà Lê Thị K1, ông Huỳnh Xuân H không trực tiếp quản lý, sử dụng đối với phần diện tích 419m^2 chênh lệch giữa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với đăng ký 299/TTg tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01. Phần diện tích này là đất trống nằm liền kề về phía Bắc vị trí đất ông Huỳnh Xuân H xây tường rào xung quanh; thực tế do hộ bà Huỳnh Thị V1, hộ bà Trần Thị B1 và hộ bà Châu Thị H3, cùng trú thôn Đ, xã T sử dụng để canh tác hoa màu từ năm 1987 cho đến năm 2016, khi Ban N1 vận động các hộ dân hiến đất để xây dựng sân vận động thì các hộ dân không còn sử dụng nữa. Quá trình các hộ dân sử dụng đất, hộ bà K1, hộ ông H không có ý kiến. Đến năm 2020, khi thực hiện thủ tục xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H mới biết phần diện tích đất trống nằm trong diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông. Tháng 7/2021, ông H cắm trụ và rào lưới B40 tại phần diện tích này, UBND xã T đã lập biên bản hiện trường ngày 06/7/2021 xác định diện tích đất ông H cắm trụ và rào lưới B40 là 345,8m^2.

Mặt khác, tại thời điểm UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 0181/QSDĐ/Q1 ngày 04/01/1996 tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01 thì bà Lê Thị K1 vẫn còn sống, đang quản lý, sử dụng đất. Năm 2008, bà Lê Thị K1 chết (Giấy chứng tử số 60 lập ngày 31/12/2008 của UBND xã T) thì thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01 được hộ ông H tiếp tục quản lý sử dụng đến nay. Ông H không cung cấp được các tài liệu chứng minh việc bà K1 cũng như những người có quyền và nghĩa vụ liên quan xác nhận đồng ý để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01.

Như vậy, thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01 do hộ bà K1 quản lý, sử dụng, nhưng năm 1996 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H trong khi bà K1 đang sinh sống, trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này. Đồng thời, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01 với diện tích 1.119m^2 là không đúng với diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng của hộ bà K1, hộ ông H vì có cả một phần diện tích do một số hộ dân sử dụng canh tác hoa màu từ năm 1987 đến năm 2016. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0181/QSDĐ/Q1 ngày 04/01/1996 đã cấp cho hộ ông H đối với thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.119m^2, loại đất thổ cư là không đúng đối tượng sử dụng đất và diện tích đất thực tế sử dụng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi

hành Luật Đất đai, UBND huyện N ban hành quyết quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông H là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 20355/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 và Kết luận số 57/KL-TTr ngày 25/10/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 116; điểm a, khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính 2015; diểm d, khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Xuân H về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 20355/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Yêu cầu hủy Công văn số 57/KL-TTr ngày 25/10/2021 của Thanh tra huyện N về việc thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2023, người khởi kiện ông Huỳnh Xuân H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Xuân H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của ông Huỳnh Xuân H là không có cơ sở, không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hộ ông Huỳnh Xuân H được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0181/QSDĐ/Q1 ngày 04/01/1996 đối với thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.119m^2 loại đất thổ cư, tại xã T, huyện N. Theo trình bày của ông H thì diện tích đất hộ ông được cấp giấy chứng nhận bao gồm diện tích của thửa đất 430, tờ bản đồ số 01, do mẹ ông là bà Lê Thị K1 kê khai,

đăng ký theo hồ sơ 299/TTg và diện tích đất do ông khai hoang sử dụng từ năm 1993. Khi kê khai, đăng ký đất đai theo Nghị định 64-CP ông H đã kê khai thành thửa 320 và được cấp giấy chứng nhận năm 1996.

[2] Căn cứ hồ sơ địa chính được lập theo Chỉ thị 299/TTg, thể hiện liền kề với thửa đất 430 do bà K1 kê khai, đăng ký là thửa đất số 446, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.407m^2, loại đất màu do Hợp tác xã N2 đứng tên chủ sử dụng đất, phù hợp với trình bày của UBND huyện N và UBND xã T cũng như của ông H. Do đó, có cơ sở để xác định diện tích đất 1.119m^2 hộ ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm diện tích của thửa đất 430 và một phần diện tích của thửa đất 446 theo hồ sơ đăng ký 299/TTg.

[3] Tại Biên bản xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình ông Huỳnh Xuân H ngày 24/6/2021 đã xác định phần diện tích có tường rào do ông H xây dựng có kích thước các cạnh: cạnh phía Nam giáp đường bê tông là 31,3m; cạnh phía Đông là 25,7m; cạnh phía Tây là 23,7m; cạnh phía Bắc là 26,85m; diện tích đất có tường rào xung quanh là khoảng 750m^2. Vị trí, diện tích này phù hợp với vị trí, diện tích thửa đất bà Lê Thị K1 đăng ký sử dụng theo hồ sơ 299/TTg (thửa đất số 430, tờ bản đồ số 01, diện tích 700m^2). Như vậy, tại thời điểm ngày 24/6/2021 diện tích đất 352,2m^2 (theo kết quả xem xét thẩm định) tăng so với đăng ký 299/TTg của thửa đất 430 nằm ngoài hàng rào ông H xây dựng. Theo Biên bản hiện trường UBND xã T lập ngày 06/7/2021 thể hiện ông H tự ý cắm trụ rào lưới B40 trên phần diện tích đất xây dựng sân bóng đá nên Ban N1 đã báo cáo cho UBND xã T đến lập biên bản.

[4] Như vậy, phần diện tích đất 352,2m^2 (theo kết quả xem xét, thẩm định) nằm ngoài thửa đất 430 bà K1 kê khai 299/TTg, ông H đã trồng trụ rào lưới B40 sau ngày 24/6/2021 và trước ngày 06/7/2021. Do vậy, có đủ cơ sở để xác định phần diện tích đất 352,2m^2 nằm ngoài thửa đất số 430, tờ bản đồ số 1 do bà K1 đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, hộ bà K1, hộ ông H từ trước đến nay không trực tiếp quản lý, sử dụng. Năm 2020, khi thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H mới biết phần diện tích đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông nên việc ông H cho rằng diện tích đất này ông đã khai hoang sử dụng từ năm 1993 đến nay là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H số vào sổ 0181/QSDĐ/Q1 ngày 04/01/1996 của UBND huyện N đối với thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 1119m^2, tại xã T, huyện N là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất thực tế sử dụng của hộ bà K1, hộ ông H là có cơ sở và Kết luận về việc thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số 57/KL-TTr ngày 25/10/2021 của Thanh tra huyện N là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu huỷ Quyết định số 20355/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 0181/QSDĐ/Q1 ngày 04/01/1996 đã cấp cho hộ ông Huỳnh Xuân H đối với thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.119m^2, loại đất thổ cư, tại xã T, là có căn

cứ, đúng quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ).

[6] Vì vậy, kháng cáo của ông Huỳnh Xuân H là không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Ông Huỳnh Xuân H là người cao tuổi được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Huỳnh Xuân H;
2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.
3. Án phí phúc thẩm:

   Ông Huỳnh Xuân H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

   Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự